

Phụ lục V
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT HUYỆN HÀM THUẬN NAM

A. Hệ số điều chỉnh giá nhóm đất nông nghiệp:

I. Hệ số điều chỉnh giá đất sản xuất nông nghiệp:

1. Hệ số điều chỉnh giá đất trồng lúa nước:

Vị trí đất	1	2	3
Tên xã			
Mương Mán, Hàm Mỹ, Hàm Kiệm, Hàm Cường, Hàm Minh, Tân Thuận, Tân Thành, Thuận Nam	1,69	1,55	1,61
Hàm Thạnh, Tân Lập, Thuận Quý	1,25	1,51	1,63
Mỹ Thạnh, Hàm Cần	1,26	1,26	1,33

2. Hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây hàng năm còn lại, đất nuôi trồng thủy sản (trừ đất lúa) (chưa bao gồm chi phí xây dựng cơ bản đã đầu tư trực tiếp trên đất để sản xuất):

Vị trí đất	1	2	3	4
Tên xã				
Mương Mán, Hàm Mỹ, Hàm Kiệm, Hàm Cường, Hàm Minh, Tân Thuận, Tân Thành, Thuận Nam	1,53	1,55	1,64	1,52
Hàm Thạnh, Tân Lập, Thuận Quý	1,41	1,56	1,59	1,41
Mỹ Thạnh, Hàm Cần	1,26	1,49	1,28	1,26

3. Hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây lâu năm (chưa bao gồm chi phí xây dựng cơ bản đã đầu tư trực tiếp trên đất để sản xuất):

Vị trí đất	1	2	3	4
Tên xã				
Mương Mán, Hàm Mỹ, Hàm Kiệm, Hàm Cường, Hàm Minh, Tân Thuận, Tân Thành, Thuận Nam	1,59	1,62	1,56	1,53
Hàm Thạnh, Tân Lập, Thuận Quý	1,53	1,55	1,58	1,55
Mỹ Thạnh, Hàm Cần	1,26	1,54	1,56	1,35

4. Hệ số điều chỉnh giá đất làm muối:

Vị trí	1	2	3
Tên xã			
Tân Thuận, Tân Thành	1,43	1,43	1,43

II. Hệ số điều chỉnh giá đất lâm nghiệp:

1. Hệ số điều chỉnh giá đất lâm nghiệp nằm ngoài quy hoạch du lịch:

a. Hệ số điều chỉnh giá đất rừng sản xuất:

Vị trí đất	1	2	3
Tên xã			
Mương Mán, Hàm Mỹ, Hàm Kiệm, Hàm Cường, Hàm Minh, Tân Thuận, Tân Thành, Thuận Nam	1,00	1,00	1,00
Hàm Thạnh, Tân Lập, Thuận Quý	1,00	1,00	1,00
Mỹ Thạnh, Hàm Cần	1,00	1,00	1,00

b. Hệ số điều chỉnh giá đất rừng phòng hộ:

Vị trí đất	1	2	3
Tên xã			
Mương Mán, Hàm Mỹ, Hàm Kiệm, Hàm Cường, Hàm Minh, Tân Thuận, Tân Thành, Thuận Nam	1,00	1,00	1,00
Hàm Thạnh, Tân Lập, Thuận Quý	1,00	1,00	1,00
Mỹ Thạnh, Hàm Cần	1,00	1,00	1,00

c. Hệ số điều chỉnh giá đất rừng đặc dụng:

Vị trí đất	1	2	3
Tên xã			
Hàm Cường, Hàm Minh, Tân Thuận, Tân Thành, Thuận Nam	1,00	1,00	1,00
Thuận Quý	1,00	1,00	1,00
Mỹ Thạnh	1,00	1,00	1,00

2. Hệ số điều chỉnh giá đất lâm nghiệp nằm trong các khu quy hoạch phát triển du lịch ven biển của tỉnh (quy định chung cho các loại rừng):

- Vị trí 1: 1,00

- Vị trí 2: 1,00

B. Hệ số điều chỉnh giá nhóm đất phi nông nghiệp:**I. Hệ số điều chỉnh giá đất ở:****1. Hệ số điều chỉnh giá đất ở nông thôn khu vực 1:**

Tên xã	Vị trí	1	2	3	4	5
	Nhóm					
Hàm Mỹ	Nhóm 2	1,43	1,69	1,66	1,61	1,43
Hàm Kiệm, Hàm Cường, Hàm Minh, Tân Thành, Thuận Quý	Nhóm 3	1,54	1,67	1,67	1,71	1,54
Mương Mán, Tân Lập	Nhóm 4	1,43	1,63	1,60	1,53	1,43
Tân Thuận	Nhóm 5	1,43	1,73	1,54	1,55	1,43

Tên xã	Vị trí	1	2	3	4	5
	Nhóm					
Hàm Thạnh	Nhóm 6	1,43	1,43	1,43	1,43	1,43
Hàm Cần	Nhóm 9	1,43	1,43	1,43	1,43	1,43
Mỹ Thạnh	Nhóm 10	1,44	1,44	1,44	1,44	1,44

2. Hệ số điều chỉnh giá đất ở nông thôn ven các trục đường giao thông chính:

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số
		Từ	Đến	
I	Quốc lộ 1A			
1	Tân Lập	Giáp xã Sông Phan	Cầu Sông Phan	1,56
		Cầu Sông Phan	Cống lò gạch Quang Trung	1,42
		Cống lò gạch Quang Trung	Giáp thị trấn Thuận Nam	1,33
2	Hàm Minh	Giáp thị trấn Thuận Nam	Hết ranh giới Trường TH Hàm Minh 2	1,57
		Giáp Trường TH HM 2	Giáp xã Hàm Cường	1,53
3	Hàm Cường	Cây xăng Km 17	Giáp xã Hàm Kiệt	1,35
		Giáp cây xăng Km 17	Giáp xã Hàm Minh	1,42
4	Hàm Kiệt	Giáp xã Hàm Cường	Đường đi Mỹ Thạnh (ngay trạm xăng)	1,39
		Đường đi Mỹ Thạnh	Giáp xã Hàm Mỹ	1,46
5	Hàm Mỹ	Giáp xã Hàm Kiệt	Giáp Công thoát nước bọng Bà Sáu	1,36
		Cống thoát nước bọng Bà Sáu	Giáp xã Tiến Lợi	1,33
II	Tỉnh lộ Ngã hai Hàm Mỹ đi Mương Mán			
6	Hàm Mỹ	Quốc lộ 1A	Cống Mương Cái	1,25
		Cống Mương Cái	Hết ranh giới Công thôn VH Phú Phong	1,35
		Cống thôn VH Phú Phong	Giáp xã Mương Mán	1,29
7	Mương Mán	Cầu Cháy	Ga Mương Mán	1,25
		Cầu cháy	Giáp ranh giới xã Hàm Mỹ	1,32
III	Tỉnh lộ 712			
8	Tân Thuận	Từ cống bà Thoa	Hết ranh giới trụ sở UBND xã	1,25

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số
		Từ	Đến	
		Giáp trụ sở UBND xã	Giáp ngã 3 cây xăng Hiệp Lễ	1,43
		Các đoạn còn lại (Công bà Thoa đến giáp thị trấn Thuận Nam		1,25
IV	Tỉnh lộ 718			
9	Mương Mán	Ngã 3 Chùa Phở Đà	Hết ranh giới Trường THCS Mương Mán	1,32
		Giáp Trường THCS Mương Mán	Giáp cầu Suối Đá	1,25
		Các đoạn còn lại (Ngã 3 chùa đến giáp xã Hàm Hiệp)		1,33
10	Hàm Thạnh	Giáp Cầu Suối Đá	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Long Vân	1,25
		Giáp nhà ông Nguyễn Long Vân	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hiếu	1,47
		Giáp nhà ông Nguyễn Hiếu	Giáp xã Hàm Cần	1,48
11	Hàm Cần	Từ giáp xã Hàm Thạnh	Hết ranh giới đất nhà bà Đà (ngay khúc cua)	1,36
		Ranh nhà bà Đà	Giáp Trạm bảo vệ rừng Hàm Cần (Trạm 5)	1,33
		Giáp Trạm 5	Cuối thôn 1	1,25
V	Tỉnh lộ 719			
12	Tân Thuận	Giáp ngã 3 Cây xăng Hiệp Lễ	Giáp Cầu Quang	1,35
		Giáp ngã 3 Cây xăng Hiệp Lễ	Giáp Sân bóng đá Thanh Trà	1,25
		Các đoạn còn lại của xã		1,57
13	Tân Thành	Ngã 4 Thạnh Mỹ	Hết đất nhà ông Nguyễn Tấn Tiến	1,25
		Ngã 4 Thạnh Mỹ	Hết khu Dân cư Kê Gà (giáp KDL Thế Giới Xanh)	1,41
		Cuối khu dân cư Kê Gà	Giáp xã Thuận Quý	1,25
		Các đoạn còn lại của xã		1,56
14	Thuận Quý	Toàn bộ địa phận xã		1,25

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số
		Từ	Đến	
VI	Đường nhựa liên xã (Đoạn Quốc lộ 1A đi Mỹ Thạnh)			
15	Hàm Kiệm	Quốc lộ 1A	Cống bà Phu	1,31
		Cống bà Phu	Đường Sắt	1,25
		Đường sắt	Giáp Trạm Nà Cam (Ba Bàu)	1,25
16	Hàm Thạnh	Giáp Trạm Kiểm lâm Nà Cam	Giáp Cầu Nà Cam	1,25
		Giáp Cầu Nà Cam	Giáp Nhà máy nước Ba Bàu	1,29
		Nhà máy nước Ba Bàu	Giáp ranh Hàm Cần (ngã 3 cây Cày)	1,25
17	Hàm Cần	Giáp ranh Hàm Thạnh	Cuối làng thôn 3	1,28
18	Mỹ Thạnh	Toàn địa bàn xã		1,25
VII	Đường nhựa liên xã (Đoạn Quốc lộ 1A đi Thuận Quý)			
19	Hàm Minh	Quốc lộ 1A	Giáp Cầu Ông Sự	1,25
		Cầu Ông Sự	Giáp ngã 3 Kinh tế Mũi Né	1,54
		Ngã 3 Kinh tế Mũi Né	Giáp ranh khu Bảo tồn	1,25
		Giáp xã Hàm Minh	Giáp đất nhà ông Học (đốc cua)	1,33
20	Thuận Quý	Đất nhà ông Học (Đốc cua)	Hết ranh giới đất Chùa Thuận Phú	1,31
		Chùa Thuận Phú	Giáp đường ĐT 719	1,25
21	Tân Thành	Toàn bộ con đường Hòn Lan		1,46
VIII	Đường nhựa liên thôn, xã; Đường nội bộ các Khu các cư nông thôn			
22	Đường vào thôn Tà Mon – Tân Lập			1,50
23	Đường từ thôn Văn Lâm (nhà ông Sơn) đi Cầu Đúc xã Hàm Hiệp (cả tuyến đường)			1,25
24	Đường từ ngã 3 thôn Văn Phong, xã Muong Mán đi thôn Dân Thuận xã Hàm Thạnh			1,30
25	Đường nội bộ Khu dân cư nông thôn Muong Mán mới			1,50
26	Đường nội bộ Khu tái định đường cao tốc tại xã Tân Lập			1,46
27	Đường nội bộ Khu tái định cư đường cao tốc tại xã Muong Mán			1,25
28	Đường cầu Bà Liễu đi Thôn Ba Bàu, xã Hàm Thạnh			1,34
29	Đường thôn Dân Hòa đi thôn Dân Thuận xã Hàm Thạnh			1,25

1. Hệ số điều chỉnh giá đất ở thị trấn Thuận Nam:

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số
		Từ	Đến	
1	Đường Hai Bà Trưng (Bưu điện huyện HTN đi KDL Tà Cú cũ)	Trần Hưng Đạo	Giáp Cầu số 2	1,33
		Cầu số 2	Giáp KDL Tà Cú (cuối đường)	1,25
2	Các con đường thuộc KDC Thuận Nam			1,46
3	Đường Lê Duẩn	Toàn bộ con đường		1,32
4	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Công Văn hóa Kp. Nam Trung)		Giáp đường Lê Duẩn	1,25
5	Đường Trường Chinh (vào Hồ Tân Lập)	Toàn bộ con đường		1,33
6	Đường Quang Trung (vào Công ty Thanh Long Đài Loan)	Toàn bộ con đường		1,25
7	Nguyễn Minh Châu	Nguyễn Trãi	Giáp xã Tân Thuận	1,54
8	Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 1A	Cộng thêm 300 m	1,25
		Đoàn còn lại		1,25
9	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Văn Linh	Giáp Cầu	1,25
		Từ Cầu	Giáp đường Nguyễn Minh Châu	1,25
10	Nguyễn Trãi	Quốc lộ 1A	Giáp khu phố Lập Nghĩa	1,25
11	Nguyễn Trãi	Các đoạn còn lại		1,35
12	Trần Hưng Đạo	Đường vào Công ty Thanh Long Đài Loan (đường Quang Trung)	Giáp đường Trần Phú (ngã 3 Công an huyện)	1,25
		Giáp đường Trần Phú (ngã 3 Công an huyện)	Cầu ông Quý	1,25
		Cầu ông Quý	Bưu Điện Thuận Nam	1,50
		Các đoạn còn lại		1,33
13	Các con đường còn lại có chiều rộng ≥ 4 m			1,58
14	Đường Trần Phú			1,31

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số
		Từ	Đến	
	(cả tuyến)			

4. Hệ số điều chỉnh giá đất sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ du lịch:

STT	Địa bàn	Khu vực	Hệ số
A	Nhóm đất du lịch tiếp giáp biển		
I	Vị trí 1: các khu du lịch giáp biển		
1	Xã Thuận Quý		1,05
2	Xã Tân Thành		1,05
II	Vị trí 2: các khu du lịch không tiếp giáp biển tính bằng 70% giá đất của vị trí 1		
B	Nhóm đất du lịch không tiếp giáp biển, hồ nước		
1	Khu cáp treo Tà cú		1,05
2	Suối nước nóng Bung Thị, Phong Điền		1,05
C	Nhóm đất du lịch ven các hồ (không có)		

5. Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khác (không phải đất du lịch) các khu vực còn lại: tính theo đất ở quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 6 Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh.